

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HS-ST

Ngày: 13 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Đình Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 và ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn Đ** (tên gọi khác là **T**), sinh năm 1998, tại tỉnh An Giang; giới tính: Nam; đăng ký thường trú và cư trú tại: Số B, khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng P và bà Võ Thị Kim M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; đầu thú ngày 10/8/2024; tạm giữ, tạm giam: Không có; bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** **Phạm Thanh H**, sinh năm 1974; *Nơi cư trú:* B ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1994; *Nơi cư trú:* Số D, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Đ khai: Khoảng 16 giờ ngày 02/8/2024, Đ đang uống cà phê tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, thì Trần Quý N (không rõ địa chỉ cụ thể) là bạn quen ngoài xã hội điện thoại rủ Đ đi chơi, Đ đồng ý. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe (không rõ đặc điểm và biển số) đến điểm hẹn gặp Đ rồi chờ Đ đi chơi. Trên đường đi N rủ Đ tìm xe mô tô trộm để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, thì Đ đồng ý. Nhon chờ Đ đi trên các tuyến đường nông thôn thuộc các xã H, xã B và xã V, huyện L để tìm xe mô tô trộm.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đến ấp H, xã V, Đ xuống xe đi bộ một đoạn để tìm xe mô tô trộm, N điều khiển xe đi tiếp. Một lúc sau, N điều khiển xe quay trở lại chờ Đ đến trước nhà số E, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và nói với Đ trong sân có xe mô tô, sân nhà có cửa rào nhưng không khoá, Đ xuống xe, rồi N điều khiển xe đi. Đ ngồi ngoài đường quan sát một lúc rồi đi vào sân nhà thấy có xe Future biển số 66V1-328.37 đậu trước sân, Đ định mở cửa rào nhưng thấy có C và chó sủa, nên không dám vào. Sau đó, Đ cởi áo ra ở trần và đeo khẩu trang, mang dép màu đen đi vào mở cửa rào không khóa. Đ đi vào sân lấy trộm xe, thì thấy xe có gắn chìa khoá, nên Đ lên xe mở khoá khởi động xe chạy ra đường ĐT 849 thì gặp N. Đ và N điều xe đến đoạn đường vắng thuộc xã M, huyện L, Đ cùng N mở cốp xe vừa trộm được thấy có Giấy phép lái xe và Căn cước công dân đều mang tên Phạm Thanh H. Do trước đó Đ đã cầm xe mô tô tại dịch vụ cầm đồ Đạt Loan của anh Nguyễn Văn Đ1, thuộc ấp A, xã H, huyện L, nên Đ nói với N để Đ đem xe đến cầm chỗ anh Nguyễn Văn Đ1. N đồng ý và nói sẽ đợi Đ ở phía bên sông thuộc thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang. Đ điều khiển xe trộm được đến dịch vụ cầm đồ Đạt Loan gặp anh Nguyễn Văn Đ1, Đ đưa xe và Giấy đăng ký xe biển số 66V1-328.37 cho anh Đ1 xem và hỏi Đ ông xe của ai, Đ nói xe mua lại của người khác có đầy đủ giấy tờ, nhưng chưa là thủ tục sang tên. Anh Đ1 kiểm tra và thống nhất với Đ cầm xe giá 10.000.000 đồng. Đ lấy 4.700.000 đồng chuộc lại xe mô tô biển số 67L1-254.83 mà Đ cầm trước đó. Đ điều khiển xe đến thị trấn H, huyện C gặp N và chia cho N 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ Đ, thì N đi đâu, làm gì Đ không rõ, còn 300.000 đồng Đ tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 03/8/2024, Cơ quan điều tra thu giữ đoạn Camera tại nhà số E, ấp H, xã V, huyện L, ghi lại diễn biến hành vi trộm cắp xe mô tô 66V1-328.37 của Trần Văn Đ vào ngày 02/8/2024 như lời khai của Đ. Đoạn clip được lưu vào đĩa DVD và niêm phong theo quy định.

Ngày 10/8/2024, Đ đến Công an xã H đầu thú, thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô 66V1-328.37 của anh Phạm Thanh H vào ngày 02/8/2024. Đồng thời, Đ tự nguyện giao nộp 01 đôi dép quai ngang màu đen bằng da; 01 nón bảo hiểm sơn màu xanh rêu; 01 quần sọt ngắn bằng thun màu đen; 01 áo thun màu trắng sữa, cổ màu xanh dương, áo có hoa văn chữ B - G dạng mắc lưới màu đen, đều đã qua sử dụng. Đ khai các tài sản này Đ mặc khi đi trộm xe mô tô 66V1-328.37.

Ngày 10/8/2024, anh Nguyễn Văn Đ1 giao nộp xe mô tô biển số 66V1-328.37; 01 Giấy đăng ký xe số 044473 và 01 Căn cước công dân số 087074009336 đều mang tên Phạm Thanh H. Anh Đ1 khai đây là xe mô tô và các giấy tờ trên anh Đ1 cầm của Trần Văn Đ giá 10.000.000 đồng vào ngày 02/8/2024.

Kết luận định giá tài sản số: 85/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện L kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu vàng nâu, biển số 66V1-328.37, số khung 5386EZ039558, số máy JC54E0361417 trị giá 14.000.000 đồng.

Ngày 12/9/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Thanh H xe mô tô biển số 66V1-328.37; Giấy đăng ký xe số 044473 và Căn cước công dân số 087074009336, đều mang tên Phạm Thanh H.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Thanh H đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường gì thêm, nên không giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ1 yêu cầu Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ1 số tiền đã nhận cầm xe là 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKSLVo ngày 13/11/2024 của Viện kiểm sát huyện L, quyết định truy tố bị cáo Trần Văn Đ ra Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/12/2024, bị cáo Trần Văn Đ khai nhận: Bị cáo có thời gian đi nghĩa vụ quân sự tại Đại đội 4, T, T, thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh A. Sau đó, bị cáo được đưa đi huấn luyện tại T thuộc Trường Q. Thời gian này, bị cáo quen biết Trần Quý N quê ở tỉnh Kiên Giang được huấn luyện chung với bị cáo và anh Trần Quý N thuộc Tiểu Đoàn 1 hay Tiểu Đoàn 2 thì bị cáo không nhớ rõ. Sau khi xuất ngũ, thì bị cáo và anh Trần Quý N cùng đi S (thành phố Hồ Chí Minh) làm thuê chung công ty. Thời gian sau đó thì bị cáo nghĩ làm và về quê, nhưng cả hai có liên lạc nói chuyện qua điện thoại với nhau, anh Trần Quý N thường gọi vào 02 số điện thoại cá nhân của bị cáo là 0934.622.252 hoặc 0765.619.679.

Do đó, cùng ngày 16/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò có văn bản số 414/VKSLVo đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò điều tra bổ sung làm rõ nhân thân, lý lịch, hành vi của người tên Trần Quý N để làm căn cứ giải quyết toàn diện vụ án;

Tại công văn số 313/TQS-TM ngày 05/02/2025 của Trường Q tại tỉnh Sóc Trăng đã xác định: “*Không có học viên tên Trần Quý N tham gia học tập năm 2020 tại Nhà trường*”.

Tại công văn số 01/CV/VKSLVo ngày 18/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò giữ nguyên Cáo trạng số 54/CT-VKSLVo ngày 13/11/2024 truy

tổ bị cáo Trần Văn Đ ra Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/3/2025:

- Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra; nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù. Do bị cáo Đ không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự:

. Bị hại anh Phạm Thanh H đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị không giải quyết.

. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự và các điều 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn Đ1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy các tài sản không còn giá trị sử dụng gồm: 01 đôi dép quai ngang bằng da; 01 nón bảo hiểm sơn màu xanh rêu; 01 quần sọt ngắn bằng thun màu đen; 01 áo thun màu trắng sữa, cổ màu xanh dương, áo có hoa văn chữ B dạng mắc lưới màu đen.

- Bị cáo Trần Văn Đ đồng ý xét xử vắng mặt anh Phạm Thanh H và anh Nguyễn Văn Đ1; thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng; thống nhất Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện L và không có ý kiến nào khác.

- Bị hại anh Phạm Thanh H đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị xét xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn Đ1 yêu cầu bị cáo Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ1 số tiền đã nhận cầm xe là 10.000.000 đồng.

Tại phần tranh luận bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát huyện L và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và anh Đ1 đều không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, anh Đ1 và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, có hành vi lén lút lấy trộm của anh Phạm Thanh H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, biển số 66V1-328.37 tại ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Tài sản bị cáo lấy trộm trị giá 14.000.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số: 85/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện L).

Do đó, đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đ đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại điều khoản này quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Đ thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay là cần thiết, nhằm răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho xã hội nói riêng và cũng nhằm phòng ngừa trong toàn xã hội nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo là bộ đội xuất ngũ; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, thể hiện bị cáo Đ không có nghề

nghiệp ổn định, Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với người tên Trần Quý N, theo bị cáo Đ khai là N có hành vi rủ bị cáo Đ đi trộm xe mô tô, được bị cáo Đ chia số tiền do cầm xe trộm được số tiền là 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo Đ xác định Trần Quý N rủ Đ đi trộm, không còn chứng cứ nào khác chứng minh Trần Quý N là người rủ Đ đi trộm, Đ không biết rõ địa chỉ của người tên Trần Quý N, cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ không có người tên Trần Quý N tham gia học tập năm 2020 tại Trường Q tại tỉnh Sóc Trăng (*Theo công văn số 313/TQS-TM ngày 05/02/2025 của Trường Q, tại tỉnh Sóc Trăng*), cơ quan điều tra không khởi tố, Viện kiểm sát không truy tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó bị cáo Đ phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của bị cáo trong vụ án này.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Phạm Thanh H đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Anh Nguyễn Văn Đ1 yêu cầu bị cáo Trần Văn Đ trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ1 tiền đã nhận cầm xe là 10.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự và các điều 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với anh Nguyễn Văn Đ1 có hành vi cầm xe mô tô biển số 66V1-328.37 là tài sản do bị cáo Trần Văn Đ trộm mà có. Tuy nhiên, khi nhận cầm xe, anh Đ1 không biết xe do Đ trộm mà có, Đ cũng không nói cho anh Đ1 biết xe do Đ trộm mà có, cơ quan điều tra không khởi tố, Viện kiểm sát không truy tố anh Đ1 về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn Đ1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng, áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 đôi dép quai ngang bằng da; 01 nón bảo hiểm sơn màu xanh rêu; 01 quần sọt ngắn bằng thun màu đen; 01 áo thun màu trắng sữa, cổ màu xanh dương, áo có hoa văn chữ B dạng mắc lưới màu đen.

(Vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/11/2024).

4. Về án phí, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CQ CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS H. Lấp Vò;
- Bị cáo; bị hại; đ/s;
- Lưu: HSVA, VPTA ^(D).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Nhựt Minh

Huỳnh Văn Nhựt Minh